

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Pì Sách

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp;
2. Bà Huỳnh Phương Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa-Vắng mặt phiên tòa.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đỗ Mỹ L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp V, xã VH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Anh Huỳnh Ngọc B, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp V, xã VH, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh B vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-9-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Mỹ L trình bày: Vào năm 2001, chị và anh Huỳnh Ngọc B quen biết và cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình, cách sống. Anh B thường hay uống rượu, mỗi khi say về lại chửi vợ con từ đó làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc nữa. Vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh B nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Huỳnh Ngọc B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh B có 01 người con chung tên Huỳnh Bé M, sinh ngày 02-4-2002, hiện nay con đang sống với chị.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Mỹ L

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Huỳnh Ngọc B.

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Bé M, sinh ngày 02-4-2002, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản biên bản ghi lời khai ngày 29-10-2019 bị đơn anh Huỳnh Ngọc B trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng nhưng về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh không đồng ý theo lời trình bày của chị L vì anh xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị L không có xảy ra mâu thuẫn và anh không đồng ý ly hôn với chị L.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh B Anh B vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Viện kiểm sát vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 11-9-2019 chị Đỗ Mỹ L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Huỳnh Ngọc B. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh B đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh B vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh B là phù hợp theo quy định pháp luật.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đỗ Mỹ L và anh Huỳnh Ngọc B chung sống với nhau vào năm 2001 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận chị Đỗ Mỹ L và anh Huỳnh Ngọc B là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung*: Chị Đỗ Mỹ L và anh Huỳnh Ngọc B đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 01 người con chung là Huỳnh Bé Mi, sinh ngày 02-4-2002, hiện con do chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu M. HĐXX nhận định căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, cần tiếp tục giao cháu M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp theo nguyện vọng của cháu M,.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị L về quyền yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi cháu M cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị L xác định không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] Về nợ chung: Chị L và anh B cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[7] Do đại diện viện kiểm sát vắng mặt tại phiên tòa và không có bài phát biểu nên HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 232, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Mỹ L và anh Huỳnh Ngọc B.

2. Về con chung: Công nhận cháu Huỳnh Bé M, sinh ngày 02-4-2002 là con chung của chị L và anh B. Giao cháu Mi cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. *Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu*

Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

4. Về tài sản chung: Chị Đỗ Mỹ L và anh Huỳnh Ngọc B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Chị Đỗ Mỹ L và anh Huỳnh Ngọc B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Đỗ Mỹ L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005280 ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị L không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

7. Quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

